

CTCP Biwase (BWE)

Giá nước đầu vào giảm giúp lợi nhuận tăng trưởng

17/12/2025

Chuyên viên phân tích Nguyễn Việt Anh

anhnv3@kbsec.com.vn

(+84) 24-7303-5333

Doanh thu giảm 4% YoY trong 3Q/25, nhưng LNST công ty mẹ đạt tăng trưởng gần 50% YoY

Doanh thu 3Q2025 đạt 903 tỷ (-4% YoY/-32% QoQ) và LNST công ty mẹ đạt 264 tỷ VND (45% YoY/-13% QoQ). Sản lượng nước cung cấp tại Bình Dương giảm nhẹ 3%, đạt 48 triệu m³ do hoạt động sản xuất công nghiệp kém tích cực đến từ tác động thuế quan.

Điều chỉnh giảm giá mua nước sẽ hỗ trợ cho tăng trưởng của BWE, củng cố dòng tiền trong giai đoạn đầu tư lớn

Trong Q3/2025, TDM đã giảm giá bán nước thô đối với BWE, nhờ đó cải thiện biên lợi nhuận của BWE lên mức 46% (+2 ppts svck). Chúng tôi thực hiện nâng dự phóng biên lợi nhuận gộp mảng cấp nước của BWE lên 60% trong 2025 và 2026, sau đó điều chỉnh giảm về mức trung bình nhiều năm là 56% nhờ kì vọng TDM kết thúc cơ chế giảm giá hỗ trợ hỗ trợ.

Biwase Long An đầu tư dự án đường ống mới, thực hiện mở rộng hạ tầng cung cấp nước

KBSV kỳ vọng dự án khi đưa vào vận hành sẽ năng lực cung cấp nước của nhà máy Nhị Thành – Giai đoạn 3, từ đó giúp nhà máy đạt doanh thu lần lượt đạt 205/238 tỷ VND (+23%/16% YoY) trong 2025/2026.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 56,200 VND/cổ phiếu

Kết hợp 2 phương pháp định giá FCFF và EV/EBITDA, KBSV khuyến nghị MUA với BWE, giá mục tiêu 56,200 VND, tương đương với mức lợi suất kỳ vọng 21.9% so với giá đóng cửa ngày 16/12/2025.

MUA duy trì

Giá mục tiêu	VND 56,200
Tăng/giảm (%)	21.9%
Giá hiện tại (16/12/2025)	VND 46,100
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 60,033
Vốn hóa thị trường	10.1/0.4
(nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	28.1%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	7.5/0.3
Sở hữu nước ngoài (%)	7.6%
Cổ đông lớn	CTCP TDM Water (37%)

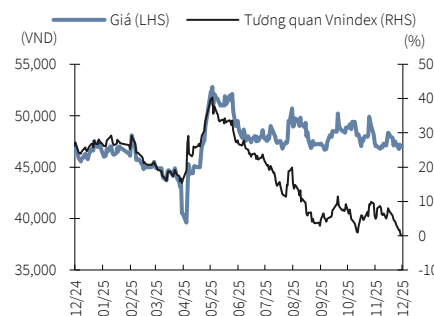
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-3.6	1.2	11.5	9.9
Tương đối	-5.3	-2.3	-19.7	-25.1

Dự phóng KQKD & định giá

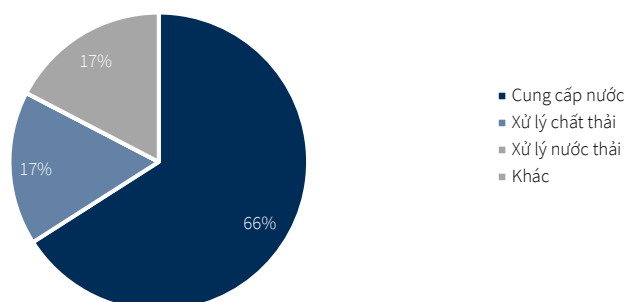
FY-end	2023	2024	2025F	2026F
Doanh số thuần (tỷ VND)	3,526	3,959	4,269	4,358
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	980	1,050	1,140	1,197
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	682	661	808	854
EPS (VND)	2,902	2,411	2,953	3,121
Tăng trưởng EPS (%)	-9.2	-16.9	22.5	5.7
P/E (x)	16.9	20.4	19.0	17.4
P/B (x)	2.0	2.1	2.1	1.9
ROE (%)	13.7	12.0	13.2	13.0
Tỷ suất cổ tức (%)	2.7	2.6	2.5	3.3

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Cấu trúc doanh thu 2024



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Hoạt động kinh doanh

Biwase là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch với thị phần đạt 100% tại Bình Dương. Ngoài ra, công ty còn mở rộng sang lĩnh vực đầu tư nhà máy xử lý nước và chất thải rắn nhằm hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ hạ tầng môi trường tại khu vực.

Điểm nhấn đầu tư

Nhà máy nước Nhị Thành giai đoạn 3 đi vào hoạt động giúp tổng doanh thu nhà máy đạt 205 tỷ VND (+23% YoY) trong 2025 và duy trì tăng trưởng trung bình 15% đến 2030.

Mảng xử lý rác thải sinh hoạt với vị thế dẫn đầu được hưởng lợi từ chính sách tăng giá trần, giúp doanh thu và lợi nhuận gộp đạt lần lượt 728 tỷ VND và 98 tỷ VND (+11%/55% YoY) trong 2025.

Tăng vốn góp tại CTCP Nước Vĩnh Long và Tân Hiệp sẽ cải thiện đáng kể KQKD, với ước tính lợi nhuận đóng góp từ công ty liên kết 2025/2026 đạt 128.7/157.6 tỷ VND (+194%/22% YoY).

Chú thích

Tham khảo trong báo cáo kỳ trước: [tại đây](#)

Tham khảo trong báo cáo kỳ trước: [tại đây](#)

Tham khảo trong báo cáo kỳ trước: [tại đây](#)

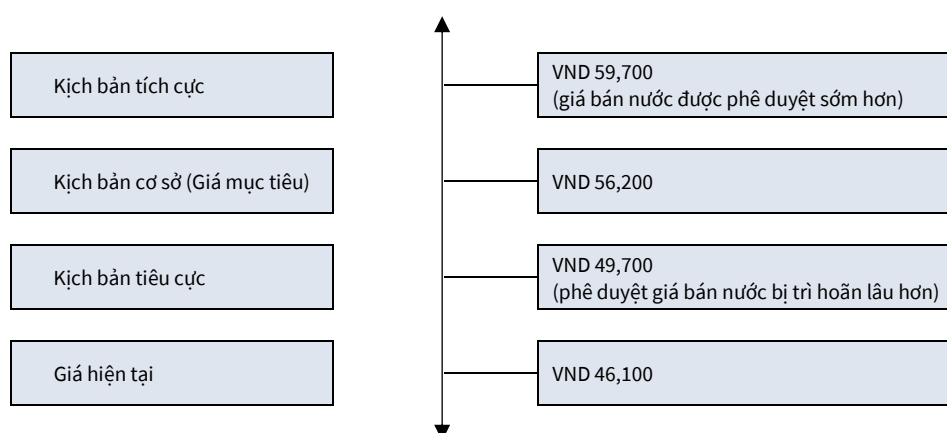
Dự phóng kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	Dự phóng của KBSV		Thay đổi với kỳ trước		Dự phóng đồng thuận*		Chênh lệch	
	2025E	2026E	2025E	2026E	2025E	2026E	2025E	2026E
Doanh thu	4,269	4,358	1%	-1%	4,330	4,683	-1%	-7%
EBIT	1,140	1,197	3%	9%	1,201	1,366	-5%	-12%
LNST công ty mẹ	808	854	1%	12%	859	1,085	-6%	-21%

Nguồn: Bloomberg, KBSV ước tính

*Dự phóng đồng thuận: là dự phóng trung bình của các CTCK được Bloomberg tổng hợp và tính toán

Quan điểm định giá



Kịch bản cơ sở:

- Sản lượng nước tăng 2%
- Giá bán nước tăng 1%
- Giá nước tăng từ 2027

Kịch bản tích cực:

- Sản lượng nước tăng 5%
- Giá bán nước tăng 3%
- Giá nước tăng từ 2027

Kịch bản tiêu cực:

- Sản lượng nước giảm 1%
- Giá bán nước tăng 1%
- Giá nước tăng sau 2028

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu giảm 4% YoY trong 3Q/25, nhưng LNST công ty mẹ đạt tăng trưởng gần 50% YoY

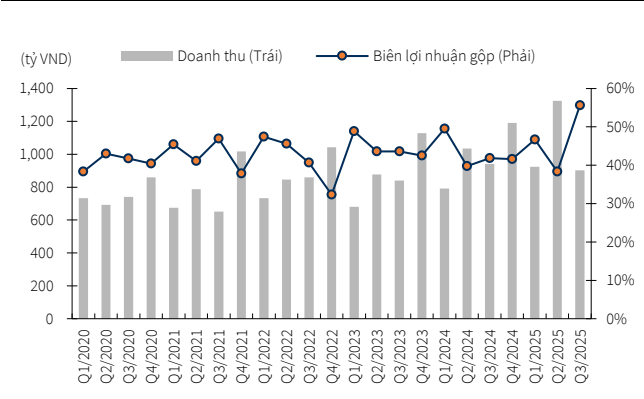
Doanh thu 3Q2025 đạt 903 tỷ (-4% YoY/-32% QoQ) và LNST công ty mẹ đạt 264 tỷ VND (45% YoY/-13% QoQ). Sản lượng nước cung cấp tại Bình Dương giảm nhẹ 3%, đạt 48 triệu m³ do hoạt động sản xuất công nghiệp kém tích cực đến từ tác động thuế quan.

Bảng 1. Cập nhật Kết quả kinh doanh Q3/2025

(tỷ VND)	Q3/2024	Q3/2025	+/-%YoY	9M2024	9M2025	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	942	903	-4%	2,768	3,153	14%	
Cung cấp nước	617	689	12%	1,945	2,037	5%	Chủ yếu nhờ nhà máy nước Nhị Thành giai đoạn 3 hoàn thiện mở rộng công suất cung cấp nước
Xử lý chất thải rắn	146	90	-38%	382	439	15%	
Xử lý nước thải	0	0	0%	1	194	27,111%	
Khác	180	124	-31%	441	482	9%	
Sản lượng cung cấp nước (triệu m ³)	50	48	-3%	149.2	142.8	-4%	Tính riêng khu vực Bình Dương, tiêu thụ nước phục vụ sản xuất công nghiệp và dân cư giảm
Lợi nhuận gộp	395	502	27%	1,198	1,442	20%	
Cung cấp nước	354	435	23%	1,117	1,189	6%	Chủ yếu nhờ giá cung cấp nước từ TDM giảm, giúp công ty cải thiện lợi nhuận gộp
Xử lý chất thải rắn	7	31	348%	19	83	346%	
Xử lý nước thải	0	0	-65%	-1	62	n/a	
Khác	34	37	9%	64	109	69%	
Biên lợi nhuận gộp	42%	56%	14 ppts	43%	46%	2 ppts	
Thu nhập tài chính	53	117	121%	116	224	93%	Chủ yếu đến từ lãi thoái vốn đầu tư tại các công ty con và ghi nhận cổ tức được chia
Chi phí tài chính	-79	-118	49%	-301	-368	22%	
Lợi nhuận từ công ty LD, LK	14	-3	-120%	18	73	304%	Chủ yếu do lỗ từ CTCP Nước Tân Hiệp, ước tính -51 tỷ VND trong Q3/2025 (tương đương mức giảm 22 tỷ VND giá trị công ty liên kết của BWE).
SG&A	-171	-158	-8%	-469	-514	10%	
Lãi/ lỗ từ hoạt động kinh doanh	211	340	61%	562	858	53%	
Thu nhập khác	-7	-6	-14%	-28	-25	-11%	
Lợi nhuận trước thuế	214	342	60%	569	873	53%	
Lợi nhuận sau thuế	191	281	47%	511	748	46%	
LNST công ty mẹ	182	264	45%	497	715	44%	
Biên LNST	20%	31%	11 ppts	18%	24%	5 ppts	

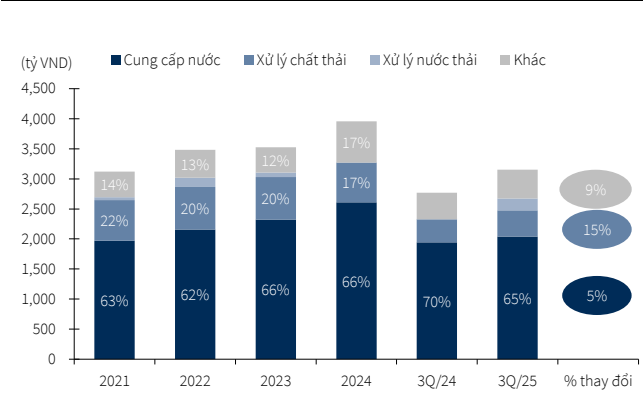
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 2. Kết quả kinh doanh BWE, 2021-2025



Nguồn: BWE, KBSV

Biểu đồ 3. Cơ cấu doanh thu của BWE, 2021-2025

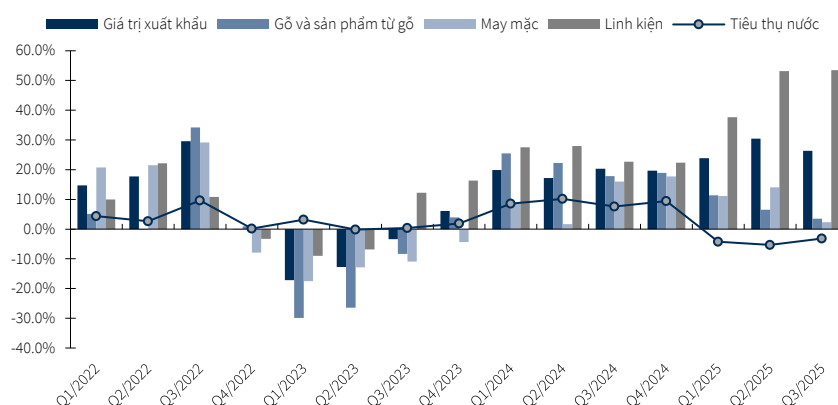


Nguồn: BWE, KBSV

Tiêu thụ nước Bình Dương chưa có dấu hiệu hồi phục, song triển vọng dài hạn khả quan đến từ kế hoạch mở rộng diện tích khu công nghiệp

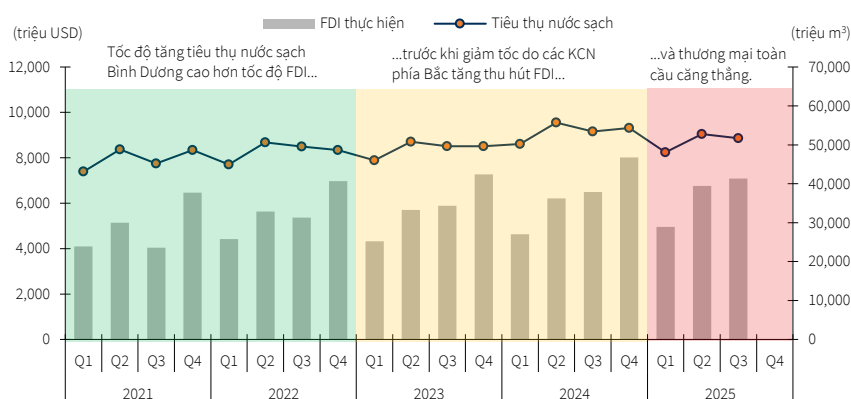
Trong Q3/2025, tăng trưởng giá trị xuất khẩu nhóm linh kiện điện tử tiếp tục tăng trưởng 2 chữ số, trong khi các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Bình Dương gồm may mặc, gỗ và sản phẩm từ gỗ là chưa có dấu hiệu phục hồi. Điều này càng khiến hoạt động sản xuất công nghiệp của Bình Dương ảm đạm, kéo theo tiêu thụ nước sản xuất giảm. Theo đó, so với dự phóng trước, chúng tôi điều chỉnh giảm sản lượng nước sạch của BWE tại Bình Dương trong 2025/2026 còn 197.7/199 triệu m³ (-1.1%/0.1% YoY) nhằm phản ánh kết quả kinh doanh kém tích cực trong 3 quý đầu năm. Sang 2027, chúng tôi kì vọng căng thẳng thương mại dần hạ nhiệt sẽ giúp dòng vốn FDI quay trở lại Việt Nam và góp phần tăng tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp mới tại Bình Dương gồm Bàu Bàng và Cây Trồng. Đây là động lực chính cho tăng trưởng tiêu thụ nước sạch khu vực đạt tốc độ tăng trưởng kép 7% đến 2030.

Biểu đồ 4. Tương quan thay đổi giá trị xuất khẩu và tiêu thụ nước tỉnh Bình Dương



Nguồn: GSO, BWE, KBSV

Biểu đồ 5. Tương quan giải ngân FDI cả nước và tiêu thụ nước tỉnh Bình Dương



Nguồn: GSO, KBSV

Mảng cấp nước: Điều chỉnh giảm giá mua nước sẽ hỗ trợ cho tăng trưởng của BWE, củng cố dòng tiền trong giai đoạn đầu tư lớn

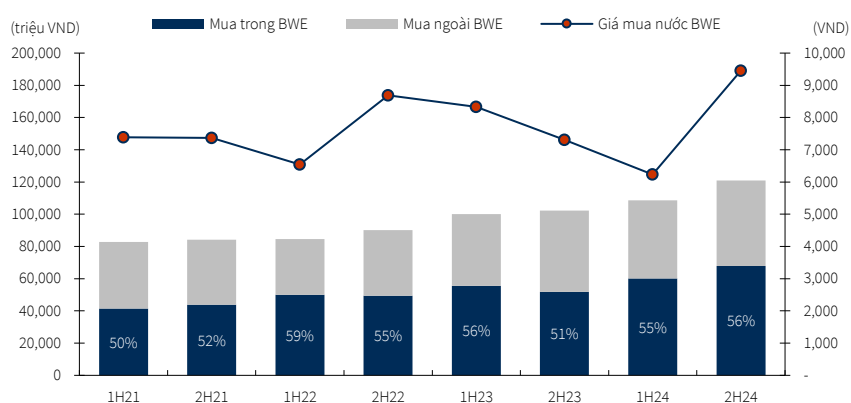
Trong 3 quý đầu năm 2025, nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh cho BWE trong bối cảnh tiêu thụ nước sụt giảm và giá bán lẻ nước không được điều chỉnh, TDM đã giảm giá bán nước thô đối với BWE, nhờ đó cải thiện biên lợi nhuận của BWE lên mức 46% (+2 ppts svck). Tổng chi phí mua nước từ 2 nhà máy xử lý Bàu Bàng và Dĩ An do TDM sở hữu thường xuyên chiếm 40%-50% tổng chi phí sản xuất nước của BWE nên việc điều chỉnh giảm giá bán sẽ tạo thuận lợi cho

BWE tăng trưởng kết quả kinh doanh khả quan trong ngắn hạn, đồng thời hỗ trợ dòng tiền cho doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư mở rộng tại khu vực Bình Dương và dự án nước tại Long An. Chúng tôi thực hiện nâng dự phóng biên lợi nhuận gộp mảng cấp nước của BWE lên 60% trong 2025 và 2026, sau đó điều chỉnh giảm về mức trung bình nhiều năm là 56% nhờ kì vọng TDM kết thúc cơ chế giảm giá hỗ trợ.

Biwase Long An đầu tư dự án đường ống mới, thực hiện mở rộng hạ tầng cung cấp nước

Giữa tháng 11, dự án mở rộng tuyến ống nước sạch với giá trị 791 tỷ VND đã được khởi công, dự kiến đưa vào sử dụng từ 30/4/2026. Khi đi vào hoạt động, đường ống sẽ đóng vai trò dẫn nước sạch từ nhà máy Nhị Thành – Giai đoạn 3 đến các khu dân cư và khu công nghiệp tại Bến Lức, Cần Giuộc, Cần Đước, Thủ Thừa và các khu công nghiệp lớn tỉnh Tây Ninh, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nước sạch tới năm 2030 của khu vực là 105,000 m³/ngày đêm và tới năm 2050 dao động từ 150,000-160,000 m³/ngày đêm. Nhờ đó, chúng tôi kỳ vọng dự án khi đưa vào vận hành sẽ nâng lực cung cấp nước của nhà máy Nhị Thành – Giai đoạn 3, từ đó giúp nhà máy đạt doanh thu lần lượt đạt 205/238 tỷ VND (+23%/16% YoY) trong 2025/2026.

Biểu đồ 6. Tỷ trọng của BWE trong tổng giá vốn mua nước của LAW



Nguồn: BWE, LAW, KBSV

DỰ PHÓNG KQKD VÀ ĐỊNH GIÁ

Bảng 7. Dự phóng Kết quả kinh doanh

(tỷ VNĐ)	2024	2025F	+/-%YoY	2026F	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	3,960	4,269	8%	4,358	2%	
Cung cấp nước	2,616	2,622	0%	2,681	2%	
Xử lý chất thải rắn	658	728	11%	803	10%	
Xử lý nước thải	-1	231	n.a	186	-19%	
Khác	687	687	0%	687	0%	
Sản lượng (triệu m ³)	216	218	1%	222	2%	
Lợi nhuận gộp	1,688	1,837	9%	1,909	4%	
Cung cấp nước	1,500	1,581	5%	1,610	2%	
Xử lý chất thải rắn	64	99	55%	136	38%	
Xử lý nước thải	-4	29	n.a	34	18%	
Khác	128	128	0%	128	0%	
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	<i>43%</i>	<i>43%</i>	<i>0 pts</i>	<i>44%</i>	<i>1 pts</i>	
Thu nhập tài chính	132	151	14%	173	14%	
Chi phí tài chính	-494	-529	7%	-585	11%	
Lợi nhuận từ công ty LD, LK	44	129	195%	158	22%	Điều chỉnh giảm 24 tỷ VND so với dự phóng trước do kết quả kinh doanh thấp hơn dự kiến trong Q3 của các công ty liên kết.
SG&A	-644	-697	8%	-711	2%	
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	737	903	23%	954	6%	
Thu nhập khác	-42	-36	-16%	-36	0%	
Lợi nhuận trước thuế	737	903	23%	954	6%	
Lợi nhuận sau thuế	661	808	22%	854	6%	
LNST công ty mẹ	639	781	22%	826	6%	
<i>Biên LNST</i>	<i>17%</i>	<i>19%</i>	<i>2 pts</i>	<i>20%</i>	<i>1 pts</i>	

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 56,200 VND/cổ phiếu

Về diễn biến thị trường, BWE hiện đang giao dịch quanh mức trung bình 5 năm EV/EBITDA, phản ánh triển vọng ngắn hạn kém khả quan của mảng cung cấp nước. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá triển vọng trong tương lai của mảng môi trường (bao gồm nước thải và rác thải) cộng với chiến lược đa dạng hóa địa bàn cung cấp nước sẽ bù đắp được KQKD có phần kém khả quan.

Kết hợp 2 phương pháp định giá FCFF và EV/EBITDA, KBSV khuyến nghị MUA với BWE, giá mục tiêu 56,200 VND/cổ phiếu, tương với mức lợi suất kỳ vọng 21.9% so với giá đóng cửa ngày 16/12/2025. Mức EV/EBITDA mục tiêu cho việc định giá doanh nghiệp là 8.8 lần, tương ứng với mức trung bình 5 năm của doanh nghiệp, để phản ánh sự cải thiện KQKD đến từ mảng môi trường và cơ chế giảm giá mua nước từ TDM sẽ bù đắp sự giảm tốc của mảng cấp nước trong ngắn hạn. Với mức giá mục tiêu trên, cổ phiếu được định giá tương đương P/B 2.1x/1.8x cho 2025 và 2026, phù hợp với việc ROE được cải thiện lên mức 13.5%.

Bảng 8. Dự phóng Kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Lợi nhuận ròng	808	854	861	991	1,145	1,333
(+) Khấu hao	677	670	702	684	630	582
(+) Lãi vay x (1-t)	393	471	487	493	480	469
(-) Thay đổi vốn lưu động	700	-14	-152	-76	-86	-95
(-) CAPEX	-1,855	-940	-710	-365	-365	-365
FCFF	571	869	973	1,488	1,547	1,621
Giá trị hiện tại FCFF	569	794	816	1,124	1,058	1,004
Tổng giá trị dòng tiền hiện tại						5,365
Giá trị hiện tại dòng tiền cuối cùng						9,952
Giá trị doanh nghiệp						15,317
(+) Tiền và tương đương tiền						1,564
(+) Giá trị đầu tư cty liên kết & tài chính						2,030
(-) Nợ ròng và lợi ích CĐTS						-7,015
Giá trị VCSH						11,897
Giá trị/cổ phiếu (làm tròn)						54,096

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Bảng 9. Giả định phương pháp FCFF

Tiêu chí	Giá trị
Lãi suất phi rủi ro	4.7%
Beta	1.05
Phần bù vốn cổ phần	8.4%
Thời gian dự phóng	5
Chi phí vốn bình quân	9.5%
EV/EBITDA mục tiêu dài hạn	8.3
Tăng trưởng dài hạn	1%

Nguồn: KBSV

Bảng 10. Định giá EV/EBITDA

(tỷ VND)	Giá trị
EBITDA 2025F	1,854
EV/EBITDA mục tiêu	8.8
Tổng giá trị	16,222
(+) Tiền & Đầu tư ngắn hạn	1,564
(+) Đầu tư tài chính	2,030
(-) Vay nợ ròng	-6,819
(-) Lợi ích cổ đông thiểu số	-196
Giá trị VCSH	12,802
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (triệu CP)	219.9
Giá trị cổ phiếu (làm tròn)	58,210

Nguồn: KBSV

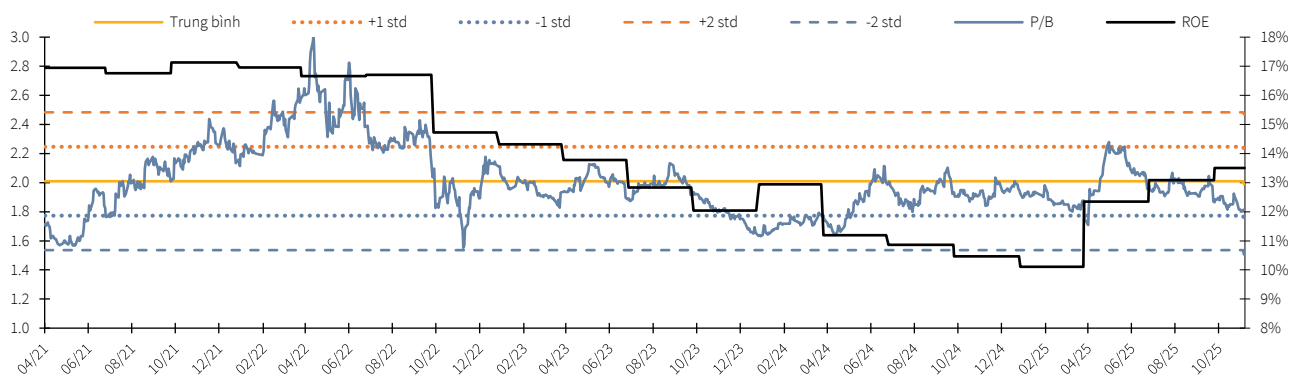
Bảng 11. Tổng hợp định giá BWE

Phương pháp	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
FCFF	54,096	50%	27,048
EV/EBITDA (8.8x)	58,210	50%	29,105
Giá mục tiêu (làm tròn)			56,200
Upside			21.9%

Nguồn: KBSV

Biểu đồ 12. Diễn biến EV/EBITDA của BWE

Nguồn: Bloomberg, KBSV

Biểu đồ 13. Diễn biến P/B và ROE của BWE

Nguồn: Bloomberg, KBSV

Chỉ số hoạt động	2023	2024	2025F	2026F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	44.3%	42.8%	43.0%	43.8%
Tỷ suất EBITDA	43.3%	42.6%	42.6%	42.9%
Tỷ suất EBIT	27.8%	26.5%	26.7%	27.5%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	21.6%	18.6%	21.1%	21.9%
Tỷ suất lãi hoạt động KD	27.8%	26.5%	26.7%	27.5%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	19.1%	16.1%	18.3%	19.0%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ VNĐ)	2023	2024	2025F	2026F
(Báo cáo chuẩn)				
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	12,122	14,200	16,234	16,772
TÀI SẢN NGẮN HẠN	2,706	4,474	4,396	4,662
Tiền và tương đương tiền	655	1,007	1,399	1,482
Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	265	405	600	750
Các khoản phải thu	781	1,712	1,169	1,194
Hàng tồn kho, ròng	923	1,233	1,146	1,154
TÀI SẢN DÀI HẠN	9,416	9,726	11,837	12,110
Phải thu dài hạn	952	1,078	952	952
Tài sản cố định	4,538	4,960	6,023	5,588
Tài sản dở dang dài hạn	1,395	985	1,143	1,851
Đầu tư dài hạn	2,089	2,278	3,278	3,278
Lợi thế thương mại	262	235	262	262
NỢ PHẢI TRẢ	7,158	8,687	10,114	10,194
Nợ ngắn hạn	2,385	3,398	2,466	2,485
Phải trả người bán	453	363	433	452
Người mua trả tiền trước	120	241	241	241
Vay ngắn hạn	1,433	2,463	1,454	1,454
Nợ dài hạn	4,773	5,289	7,647	7,709
Phải trả nhà cung cấp dài hạn	776	809	854	831
Người mua trả tiền trước dài hạn	0	0	0	0
Doanh thu chưa thực hiện	0	0	0	0
Vay dài hạn	3,997	4,480	6,793	6,878
VỐN CHỦ SỞ HỮU	4,964	5,513	6,120	6,578
Vốn góp	1,929	2,199	2,199	2,199
Thặng dư/vốn cổ phần	621	621	621	621
Lãi chưa phân phối	1,019	1,070	1,241	1,363
Vốn Ngân sách nhà nước và quỹ khác	1,233	1,446	1,862	2,177
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	162	177	196	217

Chỉ số chính (x, %, VND)				
Chỉ số định giá				
P/E	16.9	20.4	19.0	17.4
P/E pha loãng	16.9	20.4	19.0	17.4
P/B	2.0	2.1	2.1	1.9
P/S	2.7	2.7	2.9	2.7
P/Tangible Book	2.0	2.1	2.1	1.9
P/Cash Flow	8.8	14.5	6.5	10.4
Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	7.6	7.5	8.2	7.8
Giá trị doanh nghiệp/EBIT	11.8	12.1	13.1	12.2
Hiệu quả quản lý				
ROE%	14	12	13	13
ROA%	6	5	5	5
ROIC%	9	9	8	8
Cấu trúc tài chính				
Tỷ suất thanh toán tiền mặt	0.4	0.4	0.8	0.9
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.8	0.8	1.3	1.4
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.1	1.3	1.8	1.9
Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	0.8	0.8	1.1	1.0
Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	0.3	0.3	0.4	0.4
Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	0.3	0.4	0.2	0.2
Vốn vay ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.1	0.2	0.1	0.1
Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	0.1	0.1	0.1	0.1
Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.0	0.0	0.0	0.0
Tổng công nợ/Vốn CSH	0.3	0.3	0.2	0.2
Tổng công nợ/Tổng Tài sản	0.1	0.1	0.1	0.1
Chỉ số hoạt động				
Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	2.4	2.1	2.1	2.1
Hệ số quay vòng HTK	4.9	4.7	4.9	4.8
Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	1.3	0.9	1.0	0.9

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1&2, Tòa nhà Văn phòng, số 5 Điện Biên Phủ, Phường Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Vietinbank, số 93 - 95 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Hotline: 1900 1711

Email: info@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(Dựa trên kỳ vọng tăng giá trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(Dựa trên đánh giá triển vọng trong 6 tháng tới)

Tích cực:	Trung lập:	Tiêu cực:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin, dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Khách hàng nên độc lập cân nhắc hoàn cảnh, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.